

Số: 39/2022/CV-HBC  
V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 09 năm 2022

**KÍNH GỢI: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM**

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng và hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Xây Dựng Hòa Bình, mã chứng khoán HBC, xin giải trình chênh lệch phân lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2022 của trước và sau soát xét như sau:

**I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY ME**

CHỈ TIÊU	Mã số	Sau soát xét	Trước soát xét	Tăng/(giảm)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.039.175.460.621	6.975.330.974.217	63.844.486.404
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	7.039.175.460.621	6.975.330.974.217	63.844.486.404
Giá vốn hàng bán	11	6.673.866.336.070	6.679.238.841.015	(5.372.504.945)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	365.309.124.551	296.092.133.202	69.216.991.349
Doanh thu hoạt động tài chính	21	147.299.783.220	147.299.783.220	-
Chi phí tài chính	22	223.097.231.521	223.097.231.521	-
- Trong đó: lãi vay	23	226.029.037.362	226.029.037.362	-
Chi phí bán hàng	25	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	242.452.156.692	216.527.453.991	25.924.702.701
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	47.059.519.558	3.767.230.910	43.292.288.648
Thu nhập khác	31	3.784.810.904	52.487.584.927	(48.702.774.023)
Chi phí khác	32	-	-	-
Lợi nhuận khác	40	3.784.810.904	52.487.584.927	(48.702.774.023)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	50.844.330.462	56.254.815.837	(5.410.485.375)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	9.751.822.719	10.833.919.794	(1.082.097.075)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(33.342.000)	(33.342.000)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	41.059.165.743	45.387.554.043	(4.328.388.300)



**Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế giảm (4.328.388.300) đồng so với trước soát xét là do:**

- Doanh thu thuần tăng 63.844.486.404 đồng do ghi nhận theo giá trị quyết toán công trình ghi nhận tăng, giá vốn giảm (5.372.504.945) đồng do hoàn nhập chi phí bảo hành một số công trình, làm lợi nhuận gộp tăng 69.216.991.349 đồng;
- Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp 25.924.702.701 đồng là do trích lập thêm dự phòng phải thu khó đòi;
- Thu nhập khác giảm (48.702.774.023) đồng là do giảm lãi chậm thanh toán chưa thực hiện;
- Ảnh hưởng của các khoản điều chỉnh doanh thu, giá vốn, chi phí quản lý và thu nhập khác làm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (1.082.097.075) đồng.

## II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Mã số	Sau soát xét	Trước soát xét	Tăng/(giảm)
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	1	<b>7.126.574.357.492</b>	<b>7.065.931.380.283</b>	<b>60.642.977.209</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	2	(27.511.573)	(3.142.710.236)	3.115.198.663
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>7.126.546.845.919</b>	<b>7.062.788.670.047</b>	<b>63.758.175.872</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.725.181.102.535	6.731.053.587.992	(5.872.485.458)
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>	<b>401.365.743.384</b>	<b>331.735.082.055</b>	<b>69.630.661.329</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	<b>237.379.414.851</b>	<b>239.792.583.513</b>	<b>(2.413.168.662)</b>
Chi phí tài chính	22	<b>234.641.683.616</b>	<b>237.055.044.881</b>	<b>(2.413.361.265)</b>
- Trong đó: chi phí lãi vay	23	234.924.002.467	237.334.363.732	(2.410.361.265)
<b>Phần lãi / lỗ trong công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>24</b>	<b>5.712.596.838</b>	<b>5.712.596.837</b>	<b>-</b>
Chi phí bán hàng	25	15.092.200.362	16.484.876.872	(1.392.676.510)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	290.338.231.237	261.814.817.502	28.523.413.735
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>104.385.639.857</b>	<b>61.885.523.149</b>	<b>42.500.116.708</b>
Thu nhập khác	31	7.054.116.162	55.756.890.183	(48.702.774.021)
Chi phí khác	32	24.057.396.943	24.057.396.943	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>(17.003.280.781)</b>	<b>31.699.493.240</b>	<b>(48.702.774.021)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>87.382.359.076</b>	<b>93.585.016.389</b>	<b>(6.202.657.313)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26.319.285.146	27.401.382.222	(1.082.097.076)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.297.477.168	5.297.477.168	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>55.765.596.762</b>	<b>60.886.156.999</b>	<b>(5.120.560.237)</b>

1524  
CÔNG TY  
PHẦN  
CÁN XÂY D  
HÀ BÌNH  
T.P.HỒ C



**Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế giảm (5.120.560.237) đồng so với trước soát xét là do:**

- Lợi nhuận gộp tăng 69.630.661.329 đồng là do doanh thu thuần tăng 63.758.175.872 đồng, giá vốn giảm (5.872.485.458) đồng;
- Chi phí bán hàng giảm (1.392.676.510) đồng là do chính trình bày khoản chi phí thuê văn phòng vào chi phí quản lý doanh nghiệp (1.700.442.954) đồng, tăng chi phí môi giới nội bộ 307.766.444 đồng;
- Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp 28.523.413.735 đồng là do trích lập thêm dự phòng phải thu khó đòi 26.316.080.640 đồng và trích lập thêm khấu hao TSCĐ 506.890.141 đồng và tăng chi phí thuê văn phòng từ chi phí bán hàng vào chi phí quản lý doanh nghiệp 1.700.442.954 đồng;
- Thu nhập khác giảm (48.702.774.021) đồng là do giảm khoản lãi chậm thanh toán chưa thực hiện;
- Ảnh hưởng của các khoản điều chỉnh doanh thu, giá vốn, doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý và thu nhập khác làm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (1.082.097.076) đồng.

Trân trọng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG HÒA BÌNH**  
**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**LÊ VIỆT HIẾU**

**Nơi gửi:**

- Như trên;
- Lưu văn thư.

